

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 80/2022/HS-PT
Ngày 05 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến

Ông Nguyễn Quang Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLPT-HS ngày 09/6/2022. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Đức T và Đỗ Đức K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HSST ngày 28/4/2022 của TAND huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Đức T**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 16 tháng 09 năm 1974 tại huyện C, Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/10;

Nơi ĐKTT: Khu Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ;

Bố đẻ: Trần Văn N1 (đã chết); Mẹ đẻ: Trần Thị N2, sinh năm 1951, hiện nay ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Vợ: Đỗ Thị C1, sinh năm 1976, hiện nay ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Bị cáo có 02 con, sinh năm 1997 và 2006;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Bản án số 05/2006/HSST ngày 23,24/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Đánh bạc (bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

+ Bản án số 01/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ bị cáo bị xử phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc, 12 tháng tù về tội Vô ý làm chết người. Tổng hợp hình phạt của bản án số 05/2006/HSST ngày 24/01/2006, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 tháng tù (bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

+ Bản án số 56/2012/HSPT ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị xử phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí)

Bị cáo đầu thú ngày 31/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

2. Họ và tên: Đỗ Đức K

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1983 tại huyện C, Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;

Nơi ĐKTT: Khu D, xã C, huyện C, Phú Thọ;

Bố đẻ: Đỗ Quyết C2, sinh năm 1950, hiện nay ở xã C, huyện C; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L (đã chết);

Vợ: Trần Lê Giang Q, sinh năm 1990, hiện nay ở xã C, huyện C;

Bị cáo có 02 con, sinh năm 2013 và 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Bản án số 05/2006/HSST ngày 23, 24/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện C, bị can bị xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Đánh bạc. Bị can đã chấp hành xong án phí và hình phạt.

+ Bản án số 17/2009/HSST ngày 10/04/2009 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ, bị can bị xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc. Cộng với hình phạt của của bản án số 05/2006/HSST ngày 24/01/2006, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 19 tháng tù (bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

Bị cáo đầu thú vào ngày 01/01/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2022. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/12/2021, Đỗ T1 Đ, sinh năm 1988, Đỗ Đức K, sinh năm 1983 đều ở Khu D, xã C, huyện C; Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994 ở khu Đ, xã C, Trần Văn T2, sinh năm 1991 ở khu X, xã C, Trần Đức T, sinh năm 1974 ở khu Đ, xã C, Hoàng Văn H, sinh năm 1992, Hoàng Văn T3, sinh năm 1997 đều ở khu G, xã V, huyện C, Phạm Thế S, sinh năm 1994 ở khu L, xã V và Hoàng Văn H1, sinh năm 1988 ở khu T 1, xã P, huyện C đến nhà Trần Quang T4, sinh năm 1982, ở khu Đ, xã C, huyện C chơi. Tại đây, các đối tượng cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. T4 là người chuẩn bị 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếc kéo và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long. Sau đó, các đối tượng đi lên bãi đất trống trên đồi Q, thuộc khu Đ1, xã C để đánh bạc (địa điểm này hiện nay do UBND xã C quản lý). Tại đây, nhóm người này ngồi

đánh bạc T1 vòng tròn trên 01 mảnh bao tải xác rắn màu trắng, trải lên nền bãi đất trống trên đồi Q.

Khi bắt đầu đánh bạc, các đối tượng thống nhất đặt trống cửa 100.000đồng/ván, ai đặt cao hơn thì tùy. T dùng kéo cắt vỏ bao thuốc lá Thăng Long T1 04 quân bài hình tròn và là người cầm cái xóc đĩa ván đầu tiên. Trong số những người này, Trần Quang T4 và Đỗ Đức K không trực tiếp tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem và cho những người còn lại vay tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Đỗ Đức K đã cho Hoàng Văn T3 vay số tiền 5.000.000đồng; cho Trần Đức T vay số tiền 5.000.000đồng; Trần Quang T4 cho Phạm Thế S vay số tiền 5.000.000đồng; cho Trần Đức T vay số tiền 5.000.000đồng để đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện C, phối hợp cùng công an xã C phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Do hoảng sợ nên khi bị bắt quả tang, Đỗ Đức K, Trần Đức T, Phạm Thế S và Hoàng Văn T3 đã chạy thoát khỏi hiện trường. Khi bỏ chạy, Trần Đức T đã cầm theo số tiền 9.650.000đồng, Phạm Thế S cầm theo số tiền 5.500.000đồng, Hoàng Văn T3 cầm theo số tiền 3.500.000đồng.

Nhận thức được hành vi vi phạm của bản thân, ngày 31/12/2021, Trần Đức T, Phạm Thế S và Hoàng Văn T3 đã đến Công an huyện C đầu thú. Ngày 01/01/2022, Đỗ Đức K đã đến Công an huyện C đầu thú. Các đối tượng đều khai nhận hành vi đánh bạc của bản thân vào ngày 23/12/2021 tại đồi Q thuộc khu Đ1, xã C, huyện C như đã nêu trên.

Về hình thức đánh bạc: Các đối tượng đánh bạc dưới hình thức đánh “xóc đĩa”, sát phạt nhau bằng tiền, cụ thể như sau: Người cầm cái cho 04 quân bài vào trong 01 đĩa sứ, úp bát sứ lên rồi xóc và đặt ra giữa chiếu bạc. Những người chơi bắt đầu đặt cược ở cửa chẵn hoặc cửa lẻ, trống cửa mỗi ván 100.000đồng, ai đặt cao hơn thì tùy. Sau khi người chơi đặt cược xong thì người cầm cái mở bát ra để xem kết quả. Nếu có 02 quân bài hoặc 04 quân bài cùng màu thì người đặt cửa chẵn thắng, người đặt cửa lẻ thua. Nếu kết quả là có 03 quân bài cùng màu, 01 quân bài còn lại khác màu thì người đặt cửa lẻ thắng, người đặt cửa chẵn thua. Người cầm cái sẽ thu tiền đã đặt cửa của người thua bạc và trả cho người thắng bạc số tiền tương ứng với số tiền mà họ đã đặt cửa.

Quá trình điều tra đã làm rõ, khi tham gia đánh bạc Đỗ T1 Đ có 1.200.000đồng, Nguyễn Văn T1 có 800.000đ, Trần Văn T2 có 1.000.000đồng, Hoàng Văn H1 có 3.000.000đ, Hoàng Văn H có 2.000.000đồng, Trần Đức T có 300.000đồng, Phạm Thế S có 500.000đồng, Hoàng Văn T3 có 500.000đồng. Trần Quang T4 có 10.000.000đồng (T4 cho T vay 5.000.000đồng và cho S vay 5.000.000đồng để đánh bạc), Đỗ Đức K có 10.000.000đồng (K cho T vay 5.000.000đồng và cho T3 vay 5.000.000đồng để đánh bạc). Đến thời điểm hiện tại, T, S và T3 đều đã trả lại đủ tiền cho T4 và K. Các bị cáo sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc và không phải nộp tiền “hồ” (tiền thuê địa điểm đánh bạc) hay bất kỳ khoản tiền nào khác cho ai.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của các bị cáo là 29.300.000đồng (hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ tại nơi các đối tượng ngồi đánh bạc: 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ, bị vỡ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ; Số tiền 10.650.000 đồng (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với số vật chứng này, Viện KSND huyện C đã ra quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục THADS huyện C chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về phương thức, thủ đoạn phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HSST ngày 28/4/2022, TAND huyện C, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Trần Đức T, Đỗ Đức K phạm tội “Đánh bạc”.

□p dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đức T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Đức T.

□p dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ Đức K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Đức K.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyền và nghĩa vụ khác của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2022 bị cáo T và bị cáo K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo ngoài xã hội với lý do: Sau khi phạm tội biết ăn năn hối cải, gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo ngoài xã hội, 2 các bị cáo xuất trình cho Hội đồng xét xử phiếu thu 2 bị cáo đã nộp ủy hộ quỹ người nghèo mỗi bị cáo nộp 10.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đức T và Đỗ Đức K; Giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm số: 42/2022/HSST ngày 28/4/2022 của TAND huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, đơn kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo đều khai nhận đã có hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 23/12/2021 tại bãi đất trống trên đồi Q, thuộc khu Đ1, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C quản lý), Trần Quang T4, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Nguyễn Văn T1, Đỗ Đức K, Trần Đức T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 29.300.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) mục đích thu lời bất chính. Các bị cáo Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 là những người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc. Các bị cáo Trần Quang T4 và Đỗ Đức K là người cho các đối tượng trên vay tiền để đánh bạc. T4 và K không trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc nhưng là đồng phạm với vai trò người giúp sức trong vụ án này.

Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T1 tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T và K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo ngoài xã hội. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo nộp cho Hội đồng xét xử phiếu thu thể hiện các bị cáo ủng hộ quỹ vì người nghèo mỗi bị cáo 10.000.000 đồng và được hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét nhân thân của các bị cáo rất xấu, bị cáo K đã có 02 lần bị xét xử về hành vi đánh bạc, bị cáo T 3 lần bị xét xử về hành vi đánh bạc. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, số tiền tham gia đánh bạc xử phạt bị cáo Trần Đức T và Đỗ Đức K mỗi bị cáo 06 tháng tù là phù hợp với pháp luật. Do vậy, không có căn cứ để cho các bị cáo giảm nhẹ hình phạt và cải tạo ngoài xã hội.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đức T và Đỗ Đức K; Giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm số: 42/2022/HSST ngày 28/4/2022 của TAND huyện C, tỉnh Phú Thọ đối với các bị cáo Trần Đức T và Đỗ Đức K.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

□p dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đức T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Đức T.

□p dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ Đức K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Đức K.

[3] Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Đức T và Đỗ Đức K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Tiến Nguyễn Quang Vũ

Điêu Thị Bích Lược

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CA, TA, VKS, THADS H. C;
- Các bị cáo;
- PV06 CA tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đieu Thị Bích Lướt

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Việt Phạm Văn Toàn

Nguyễn Việt Tiến

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2022/HS - ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ- TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Linh và bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/HSST - QĐHPT ngày 21 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T1

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 27 tháng 10 năm 1994 tại C, Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12;

Nơi ĐKTT: Khu Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ;

Bố đẻ: Nguyễn Văn G, sinh năm 1964 (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (đã chết);

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Tại Bản án số 03/2016/HSST ngày 03/02/2016, bị cáo bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt vào ngày 28/04/2021.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ và tên: Trần Đức T

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 16 tháng 09 năm 1974 tại huyện C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/10;
Nơi ĐKTT: Khu Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Trần Văn N1 (đã chết); Mẹ đẻ: Trần Thị N2, sinh năm 1951, hiện nay ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Vợ: Đỗ Thị C1, sinh năm 1976, hiện nay ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo có 02 con, sinh năm 1997 và 2006;
Tiền án, tiền sự: Không;
Nhân thân:

+ Tại Bản án số 05/2006/HSST ngày 23,24/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Đánh bạc (bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

+ Tại Bản án số 01/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ bị cáo bị xử phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc, 12 tháng tù về tội Vô ý làm chết người. Tổng hợp hình phạt của bản án số 05/2006/HSST ngày 24/01/2006, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 tháng tù (bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

+ Tại Bản án số 56/2012/HSPT ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị xử phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí)

Bị cáo đầu thú ngày 31/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2021. Hiện nay, bị can đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3. Họ và tên: **Đỗ Đức K**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1983 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Nơi ĐKTT: Khu D, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Đỗ Quyết C2, sinh năm 1950, hiện nay ở xã C, huyện C; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L (đã chết);
Vợ: Trần Lê Giang Q, sinh năm 1990, hiện nay ở xã C, huyện C;
Bị cáo có 02 con, sinh năm 2013 và 2018;
Tiền án, tiền sự: Không;
Nhân thân:

+ Tại Bản án số 05/2006/HSST ngày 23, 24/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện C, bị can bị xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Đánh bạc. Bị can đã chấp hành xong án phí và hình phạt.

+ Tại Bản án số 17/2009/HSST ngày 10/04/2009 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ, bị can bị xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc. Cộng với hình phạt của của bản án số 05/2006/HSST ngày 24/01/2006, bị can phải chấp hành hình phạt

chung cho cả hai bản án là 19 tháng tù (bị can đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

Bị cáo đầu thú vào ngày 01/01/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2022. Hiện nay, bị can đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

4. Họ và tên: **Trần Quang T4**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 01 tháng 09 năm 1982 tại C, Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;

Nơi ĐKTT: Khu Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ;

Bố đẻ: Trần Văn Đ, sinh năm 1952; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1952, hiện nay đều ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Vợ: Đỗ Thị D, sinh năm 1991 (đã ly hôn);

Bị cáo có 01 con, sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

5. Họ và tên: **Hoàng Văn H**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1992 tại C, Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12;

Nơi ĐKTT: Khu G, xã V, huyện C, Phú Thọ;

Bố đẻ: Hoàng T3 Văn, sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Hoàng Thị V, sinh năm 1972, hiện nay đều ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 2002, hiện nay ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Bị cáo có 01 con, sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

6. Họ và tên: **Hoàng Văn T3**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 04 tháng 08 năm 1997; tại C, Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12;

Nơi ĐKTT: Khu G, xã V, huyện C, Phú Thọ;

Bố đẻ: Hoàng T3 Văn, sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Hoàng Thị V, sinh năm 1972, hiện nay đều ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú vào ngày 31/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2022. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

7. Họ và tên: **Đỗ T1 Đ**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 18 tháng 05 năm 1988 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Nơi ĐKTT: Khu D, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Đỗ Văn Q, sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Hoàng Thị H1, sinh năm 1963, hiện nay đều ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo chưa có vợ, con;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

8. Họ và tên: **Trần Văn T2**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 07 tháng 09 năm 1991 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12;
Nơi ĐKTT: Khu X, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Trần Văn T4, sinh năm 1964; Mẹ đẻ: Đỗ Thị T5, sinh năm 1968, hiện nay đều ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo chưa có vợ, con;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

9. Họ và tên: **Phạm Thế S**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 12 tháng 01 năm 1994 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Nơi ĐKTT: Khu L, xã V, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Phạm Văn V, sinh năm 1972; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972, hiện nay đều ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Vợ: Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1999, hiện nay ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo có 01 con, sinh năm 2019;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú vào ngày 31/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2022. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

10. Họ và tên: **Hoàng Văn H1**

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 02 tháng 10 năm 1988 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12;
Nơi ĐKTT: Khu T 1, xã P, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Hoàng Kim L, sinh năm 1962; Mẹ đẻ: Đào Thị H, sinh năm 1962, hiện nay
đều ở xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, hiện nay ở xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn
cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã P,
huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/12/2021, Đỗ T1 Đ, sinh năm 1988, Đỗ
Đức K, sinh năm 1983 đều ở Khu D, xã C, huyện C; Nguyễn Văn T1, sinh năm
1994 ở khu Đ, xã C,, Trần Văn T2, sinh năm 1991 ở khu X, xã C, Trần Đức T, sinh
năm 1974 ở khu Đ, xã C, Hoàng Văn H, sinh năm 1992, Hoàng Văn T3, sinh năm
1997 đều ở khu G, xã V, huyện C, Phạm Thế S, sinh năm 1994 ở khu L, xã V và
Hoàng Văn H1, sinh năm 1988 ở khu T 1, xã P, huyện C đến nhà Trần Quang T4,
sinh năm 1982, ở khu Đ, xã C, huyện C chơi. Tại đây, các đối tượng cùng rủ nhau
đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. T4 là
người chuẩn bị 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếc kéo và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long.
Sau đó, các đối tượng đi lên bãi đất trống trên đồi Q, thuộc khu Đ1, xã C để đánh
bạc (địa điểm này hiện nay do UBND xã C quản lý). Tại đây, nhóm người này ngồi
đánh bạc T1 vòng tròn trên 01 mảnh bao tải xác rắn màu trắng, trải lên nền bãi đất
trống trên đồi Q.

Khi bắt đầu đánh bạc, các đối tượng thống nhất đặt trống cửa 100.000đ/ ván,
ai đặt cao hơn thì tùy. T dùng kéo cắt vỏ bao thuốc lá Thăng Long T1 04 quân bài
hình tròn và là người cầm cái xóc đĩa ván đầu tiên. Trong số những người này, Trần
Quang T4 và Đỗ Đức K không trực tiếp tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem và cho
những người còn lại vay tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh
bạc, Đỗ Đức K đã cho Hoàng Văn T3 vay số tiền 5.000.000đ; cho Trần Đức T vay
số tiền 5.000.000đ; Trần Quang T4 cho Phạm Thế S vay số tiền 5.000.000đ; cho
Trần Đức T vay số tiền 5.000.000đ để đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc liên tục
đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện C, phối hợp cùng công
an xã C phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Do hoảng sợ nên khi bị bắt quả tang, Đỗ Đức K, Trần Đức T, Phạm Thế S và
Hoàng Văn T3 đã chạy thoát khỏi hiện trường. Khi bỏ chạy, Trần Đức T đã cầm
theo số tiền 9.650.000đ, Phạm Thế S cầm theo số tiền 5.500.000đ, Hoàng Văn T3
cầm theo số tiền 3.500.000đ.

Nhận thức được hành vi vi phạm của bản thân, ngày 31/12/2021, Trần Đức T, Phạm Thế S và Hoàng Văn T3 đã đến Công an huyện C đầu thú. Ngày 01/01/2022, Đỗ Đức K đã đến Công an huyện C đầu thú. Các đối tượng đều khai nhận hành vi đánh bạc của bản thân vào ngày 23/12/2021 tại đồi Q thuộc khu Đ1, xã C, huyện C như đã nêu trên.

Về hình thức đánh bạc: Các đối tượng đánh bạc dưới hình thức đánh “xóc đĩa”, sát phạt nhau bằng tiền, cụ thể như sau: Người cầm cái cho 04 quân bài vào trong 01 đĩa sứ, úp bát sứ lên rồi xóc và đặt ra giữa chiếu bạc. Những người chơi bắt đầu đặt cược ở cửa chẵn hoặc cửa lẻ, trổng cửa mỗi ván 100.000đ, ai đặt cao hơn thì tùy. Sau khi người chơi đặt cược xong thì người cầm cái mở bát ra để xem kết quả. Nếu có 02 quân bài hoặc 04 quân bài cùng màu thì người đặt cửa chẵn thắng, người đặt cửa lẻ thua. Nếu kết quả là có 03 quân bài cùng màu, 01 quân bài còn lại khác màu thì người đặt cửa lẻ thắng, người đặt cửa chẵn thua. Người cầm cái sẽ thu tiền đã đặt cửa của người thua bạc và trả cho người thắng bạc số tiền tương ứng với số tiền mà họ đã đặt cửa.

Quá trình điều tra đã làm rõ, khi tham gia đánh bạc Đỗ T1 Đ có 1.200.000đ, Nguyễn Văn T1 có 800.000đ, Trần Văn T2 có 1.000.000đ, Hoàng Văn H1 có 3.000.000đ, Hoàng Văn H có 2.000.000đ, Trần Đức T có 300.000đ, Phạm Thế S có 500.000đ, Hoàng Văn T3 có 500.000đ. Trần Quang T4 có 10.000.000đ (T4 cho T vay 5.000.000đ và cho S vay 5.000.000đ để đánh bạc), Đỗ Đức K có 10.000.000đ (K cho T vay 5.000.000đ và cho T3 vay 5.000.000đ để đánh bạc). Đến thời điểm hiện tại, T, S và T3 đều đã trả lại đủ tiền cho T4 và K. Các bị can sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc và không phải nộp tiền “hồ” (tiền thuê địa điểm đánh bạc) hay bất kì khoản tiền nào khác cho ai.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của các bị can là 29.300.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ tại nơi các đối tượng ngồi đánh bạc: 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ, bị vỡ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ; Số tiền 10.650.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với số vật chứng này, Viện KSND huyện C đã ra quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục THADS huyện C chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về phương thức, thủ đoạn phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT- VKSCKNgày 30 tháng 3 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thú nhận hành vi phạm tội nay không còn lời bào chữa nào khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân chuyên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 phạm tội "Đánh bạc"

1, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm 1 khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T1 từ 07 đến 10 tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) là 06 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đức T từ 06 đến 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Đức T.

3, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ Đức K từ 06 đến 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Đức K.

4, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Quang T4 từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 15.000.000đ(Mười lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

5, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn H từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

6, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn T3 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

7, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ T1 Đ từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18

ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

8, *Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt: Trần Văn T2 từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

9, *Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt: Phạm Thế S từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

10, *Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt: Hoàng Văn H1 từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Điều 99, 100, 101 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án các bị cáo Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 04 giờ/ 01 ngày/1 bị cáo và 05 ngày/01 tuần/1 bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, bị vỡ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.650.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu vật chứng ngày 01/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C)

Tịch thu, truy thu của bị cáo bị cáo Trần Quang T4 số tiền 9.825.000đ; Tịch thu, truy thu của bị cáo Đỗ Đức K số tiền 8.325.000đ; Tịch thu, truy thu của bị cáo Phạm Thế S số tiền 500.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

* Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang của cơ quan điều tra và vật chứng đã thu được phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “xóc đĩa”, được thua bằng tiền trong khoảng thời gian từ 14 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 23/12/2021 tại bãi đất trống trên đồi Q, thuộc khu Đ1, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C quản lý) với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 29.300.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) là do các bị can Trần Quang T4, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Nguyễn Văn T1, Đỗ Đức K, Trần Đức T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 gây ra.

Các bị cáo Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 là những người đánh bạc, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò là người thực hành trong vụ án đồng phạm này. Các bị cáo Trần Quang T4 và Đỗ Đức K là người cho các đối tượng trên vay tiền để đánh bạc. T4 và K không trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc nên là đồng phạm với vai trò người giúp sức trong vụ án này.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

[3] Xét tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bởi lẽ vấn nạn cờ bạc là một trong các tệ nạn xã hội mà nhà nước ta đang quản lý chặt chẽ, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới mọi hình thức để làm lành mạnh các quan hệ xã hội, từ việc đánh bạc thường dẫn đến những tội phạm khác, ảnh hưởng đến trật tự công cộng vì vậy đấu tranh với tội này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật.

[4]. Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

[4.1]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 có 01 tiền án tại Bản án số 03/2016/HSST ngày 03/02/2016, bị can bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt vào ngày 28/04/2021. Bị cáo chưa được xóa án tích nhưng đến ngày 23/12/2021 bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới do đó bị cáo T1 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở T1 công dân tốt cho gia đình và xã hội. Trước khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[4.2]. Đối với bị cáo Đỗ Đức K, Trần Đức T có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về tội đánh bạc nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo T, bị cáo K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở T1 công dân tốt cho gia đình và xã hội. Trước khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến Công an huyện C đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T có bố đẻ là ông Trần Văn N1 được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo K có bố đẻ là ông Đỗ Quyết C2 là thương binh hạng A nên cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.3]. Đối với các bị cáo Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội các bị cáo đều T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Văn T3, Phạm Thế S sau khi phạm tội đã đến Công an huyện C đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Trần Quang T4 có bố đẻ là ông Trần Văn Đ được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Hoàng Văn H1 có ông nội là Hoàng Văn L được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì nên bị cáo T3, S, T4, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy có thể áp dụng một mức hình phạt không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, về tội bị cáo đã thực hiện, nhất thể cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện đồng lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế của các bị cáo: Xét thấy bị cáo Trần Quang T4, Hoàng Văn H1 có tài sản, là lao động có thu nhập; Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S không có tài sản nhưng là lao động có thu nhập nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Đức K, Trần Đức T, Nguyễn Văn T1.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, bị võ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ. Đây là vật mà các bị cáo sử dụng để làm công cụ phương tiện để đánh bạc nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 10.650.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đây là khoản tiền thu tại chỗ do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền các bị cáo cầm theo khi bỏ trốn cụ thể: Bị cáo T cầm theo số tiền 9.650.000đ, bị cáo T3 cầm theo số tiền 3.500.000đ, bị cáo S cầm theo số tiền 5.500.000đ. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo trình bày số tiền cầm khi bỏ trốn đã trả vào khoản tiền vay khi đánh bạc cho bị cáo K, bị cáo T4. Bị cáo Trần Quang T4 nhất trí nộp lại số tiền 9.825.000đ, bị cáo Đỗ Đức K nhất trí nộp lại số tiền 8.325.000đ, bị cáo Phạm Thế S nhất trí nộp lại số tiền 500.000đ. Vì vậy cần tịch thu số tiền này để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 phạm tội “Đánh bạc”.

1, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T108 (Tám) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đức T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Đức T.

3, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ Đức K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Đức K.

4, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Quang T4 21 (Hai một) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 20 (hai mươi) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Trần Quang T4 13.000.000đ(Mười ba triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

5, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Hoàng Văn H 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

6, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn T3 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện C, Phú Thọ nhận được

quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Hoàng Văn T3 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

7, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ T1 Đ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Đỗ T1 Đ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

8, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Văn T2 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Trần Văn T2 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

9, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Thế S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Phạm Thế S 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

10, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn H1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã P, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao

bản án. Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Hoàng Văn Hà 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Điều 99, 100, 101 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án các bị cáo Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 04 giờ/ 01 ngày/ 1 bị cáo và 05 ngày/01 tuần/1 bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, bị vỡ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.650.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu vật chứng ngày 01/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C)

Tịch thu, truy thu của bị cáo bị cáo Trần Quang T4 số tiền 9.825.000đ; Tịch thu, truy thu của bị cáo Đỗ Đức K số tiền 8.325.000đ; Tịch thu, truy thu của bị cáo Phạm Thế S số tiền 500.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

* Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điều 26 Luật thi hành án dân sự, các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự, nếu không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 7a, điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh phú thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THA- HS;
- Các bị cáo;
- UBND xã C, huyện C;
- UBND xã V, huyện C;
- UBND xã P, huyện C;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Huyền

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS - ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ- TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Linh và bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/HSST - QĐHPT ngày 21 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T1

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 27 tháng 10 năm 1994 tại C, Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12;

Nơi ĐKTT: Khu Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ;

Bố đẻ: Nguyễn Văn G, sinh năm 1964 (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (đã chết);

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Tại Bản án số 03/2016/HSST ngày 03/02/2016, bị cáo bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt vào ngày 28/04/2021.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

11. Họ và tên: Trần Đức T

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 16 tháng 09 năm 1974 tại C, Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/10;
Nơi ĐKTT: Khu Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Trần Văn N1 (đã chết); Mẹ đẻ: Trần Thị N2, sinh năm 1951, hiện nay ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Vợ: Đỗ Thị C1, sinh năm 1976, hiện nay ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo có 02 con, sinh năm 1997 và 2006;
Tiền án, tiền sự: Không;
Nhân thân:

+ Tại Bản án số 05/2006/HSST ngày 23,24/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Đánh bạc (bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

+ Tại Bản án số 01/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ bị cáo bị xử phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc, 12 tháng tù về tội Vô ý làm chết người. Tổng hợp hình phạt của bản án số 05/2006/HSST ngày 24/01/2006, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 tháng tù (bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

+ Tại Bản án số 56/2012/HSPT ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị xử phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí)

Bị cáo đầu thú ngày 31/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2021. Hiện nay, bị can đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

12.Họ và tên: Đỗ Đức K

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1983 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Nơi ĐKTT: Khu D, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Đỗ Quyết C2, sinh năm 1950, hiện nay ở xã C, huyện C; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L (đã chết);
Vợ: Trần Lệ Giang Q, sinh năm 1990, hiện nay ở xã C, huyện C;
Bị cáo có 02 con, sinh năm 2013 và 2018;
Tiền án, tiền sự: Không;
Nhân thân:

+ Tại Bản án số 05/2006/HSST ngày 23, 24/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện C, bị can bị xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Đánh bạc. Bị can đã chấp hành xong án phí và hình phạt.

+ Tại Bản án số 17/2009/HSST ngày 10/04/2009 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ, bị can bị xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc. Cộng với hình phạt của của bản án số 05/2006/HSST ngày 24/01/2006, bị can phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 19 tháng tù (bị can đã chấp hành xong án phí và hình phạt).

Bị cáo đầu thú vào ngày 01/01/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2022. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

13. Họ và tên: Trần Quang T4

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 01 tháng 09 năm 1982 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Nơi ĐKTT: Khu Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Trần Văn Đ, sinh năm 1952; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1952, hiện nay đều ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Vợ: Đỗ Thị D, sinh năm 1991 (đã ly hôn);
Bị cáo có 01 con, sinh năm 2011;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

14. Họ và tên: Hoàng Văn H

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1992 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12;
Nơi ĐKTT: Khu G, xã V, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Hoàng T3 Văn, sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Hoàng Thị V, sinh năm 1972, hiện nay đều ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 2002, hiện nay ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo có 01 con, sinh năm 2018;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

15. Họ và tên: Hoàng Văn T3

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 04 tháng 08 năm 1997; tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12;
Nơi ĐKTT: Khu G, xã V, huyện C, Phú Thọ;

Bố đẻ: Hoàng T3 Văn, sinh năm 1968; Mẹ đẻ: Hoàng Thị V, sinh năm 1972, hiện nay đều ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Bị cáo chưa có vợ, con;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú vào ngày 31/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2022. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

16.Họ và tên: Đỗ T1 Đ

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 18 tháng 05 năm 1988 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Nơi ĐKTT: Khu D, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Đỗ Văn Q, sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Hoàng Thị H1, sinh năm 1963, hiện nay
đều ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo chưa có vợ, con;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn
cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C,
huyện C, tỉnh Phú Thọ.

17.Họ và tên: Trần Văn T2

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 07 tháng 09 năm 1991 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12;
Nơi ĐKTT: Khu X, xã C, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Trần Văn T4, sinh năm 1964; Mẹ đẻ: Đỗ Thị T5, sinh năm 1968, hiện nay
đều ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo chưa có vợ, con;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn
cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã C,
huyện C, tỉnh Phú Thọ.

18.Họ và tên: Phạm Thế S

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 12 tháng 01 năm 1994 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Nơi ĐKTT: Khu L, xã V, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Phạm Văn V, sinh năm 1972; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972, hiện
nay đều ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Vợ: Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1999, hiện nay ở xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo có 01 con, sinh năm 2019;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú vào ngày 31/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm
đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2022. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã V,
huyện C, tỉnh Phú Thọ.

19. Họ và tên: Hoàng Văn H1

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 02 tháng 10 năm 1988 tại C, Phú Thọ;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12;
Nơi ĐKTT: Khu T 1, xã P, huyện C, Phú Thọ;
Bố đẻ: Hoàng Kim L, sinh năm 1962; Mẹ đẻ: Đào Thị H, sinh năm 1962, hiện nay
đều ở xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, hiện nay ở xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018;
Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/12/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn
cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2021. Hiện nay, bị cáo đang tại ngoại tại xã P,
huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/12/2021, Đỗ T1 Đ, sinh năm 1988, Đỗ
Đức K, sinh năm 1983 đều ở Khu D, xã C, huyện C; Nguyễn Văn T1, sinh năm
1994 ở khu Đ, xã C, Trần Văn T2, sinh năm 1991 ở khu X, xã C, Trần Đức T, sinh
năm 1974 ở khu Đ, xã C, Hoàng Văn H, sinh năm 1992, Hoàng Văn T3, sinh năm
1997 đều ở khu G, xã V, huyện C, Phạm Thế S, sinh năm 1994 ở khu L, xã V và
Hoàng Văn H1, sinh năm 1988 ở khu T 1, xã P, huyện C đến nhà Trần Quang T4,
sinh năm 1982, ở khu Đ, xã C, huyện C chơi. Tại đây, các đối tượng cùng rủ nhau
đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. T4 là
người chuẩn bị 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếc kéo và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long.
Sau đó, các đối tượng đi lên bãi đất trống trên đồi Q, thuộc khu Đ1, xã C để đánh
bạc (địa điểm này hiện nay do UBND xã C quản lý). Tại đây, nhóm người này ngồi
đánh bạc T1 vòng tròn trên 01 mảnh bao tải xác rắn màu trắng, trải lên nền bãi đất
trống trên đồi Q.

Khi bắt đầu đánh bạc, các đối tượng thống nhất đặt trống cửa 100.000đ/ ván,
ai đặt cao hơn thì tùy. T dùng kéo cắt vỏ bao thuốc lá Thăng Long T1 04 quân bài
hình tròn và là người cầm cái xóc đĩa ván đầu tiên. Trong số những người này, Trần
Quang T4 và Đỗ Đức K không trực tiếp tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem và cho
những người còn lại vay tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh
bạc, Đỗ Đức K đã cho Hoàng Văn T3 vay số tiền 5.000.000đ; cho Trần Đức T vay
số tiền 5.000.000đ; Trần Quang T4 cho Phạm Thế S vay số tiền 5.000.000đ; cho
Trần Đức T vay số tiền 5.000.000đ để đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc liên tục
đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện C, phối hợp cùng công
an xã C phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Do hoảng sợ nên khi bị bắt quả tang, Đỗ Đức K, Trần Đức T, Phạm Thế S và
Hoàng Văn T3 đã chạy thoát khỏi hiện trường. Khi bỏ chạy, Trần Đức T đã cầm
theo số tiền 9.650.000đ, Phạm Thế S cầm theo số tiền 5.500.000đ, Hoàng Văn T3
cầm theo số tiền 3.500.000đ.

Nhận thức được hành vi vi phạm của bản thân, ngày 31/12/2021, Trần Đức T,
Phạm Thế S và Hoàng Văn T3 đã đến Công an huyện C đầu thú. Ngày 01/01/2022,
Đỗ Đức K đã đến Công an huyện C đầu thú. Các đối tượng đều khai nhận hành vi

đánh bạc của bản thân vào ngày 23/12/2021 tại đồi Q thuộc khu Đ1, xã C, huyện C như đã nêu trên.

Về hình thức đánh bạc: Các đối tượng đánh bạc dưới hình thức đánh “xóc đĩa”, sát phạt nhau bằng tiền, cụ thể như sau: Người cầm cái cho 04 quân bài vào trong 01 đĩa sứ, úp bát sứ lên rồi xóc và đặt ra giữa chiếu bạc. Những người chơi bắt đầu đặt cược ở cửa chắn hoặc cửa lẻ, trổng cửa mỗi ván 100.000đ, ai đặt cao hơn thì tùy. Sau khi người chơi đặt cược xong thì người cầm cái mở bát ra để xem kết quả. Nếu có 02 quân bài hoặc 04 quân bài cùng màu thì người đặt cửa chắn thắng, người đặt cửa lẻ thua. Nếu kết quả là có 03 quân bài cùng màu, 01 quân bài còn lại khác màu thì người đặt cửa lẻ thắng, người đặt cửa chắn thua. Người cầm cái sẽ thu tiền đã đặt cửa của người thua bạc và trả cho người thắng bạc số tiền tương ứng với số tiền mà họ đã đặt cửa.

Quá trình điều tra đã làm rõ, khi tham gia đánh bạc Đỗ T1 Đ có 1.200.000đ, Nguyễn Văn T1 có 800.000đ, Trần Văn T2 có 1.000.000đ, Hoàng Văn H1 có 3.000.000đ, Hoàng Văn H có 2.000.000đ, Trần Đức T có 300.000đ, Phạm Thế S có 500.000đ, Hoàng Văn T3 có 500.000đ. Trần Quang T4 có 10.000.000đ (T4 cho T vay 5.000.000đ và cho S vay 5.000.000đ để đánh bạc), Đỗ Đức K có 10.000.000đ (K cho T vay 5.000.000đ và cho T3 vay 5.000.000đ để đánh bạc). Đến thời điểm hiện tại, T, S và T3 đều đã trả lại đủ tiền cho T4 và K. Các bị can sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc và không phải nộp tiền “hồ” (tiền thuê địa điểm đánh bạc) hay bất kì khoản tiền nào khác cho ai.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của các bị can là 29.300.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ tại nơi các đối tượng ngồi đánh bạc: 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ, bị vỡ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ; Số tiền 10.650.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với số vật chứng này, Viện KSND huyện C đã ra quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục THADS huyện C chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về phương thức, thủ đoạn phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT- VKSCKNgày 30 tháng 3 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thú nhận hành vi phạm tội nay không còn lời bào chữa nào khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang

T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 phạm tội "Đánh bạc"

1, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T1 từ 07 đến 10 tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) là 06 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đức T từ 06 đến 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Đức T.

3, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ Đức K từ 06 đến 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Đức K.

4, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Quang T4 từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 15.000.000đ(Mười lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

5, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn H từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

6, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn T3 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

7, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ T1 Đ từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

8, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Văn T2 từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

9, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Thế S từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

10, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn H1 từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ xung 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Điều 99, 100, 101 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án các bị cáo Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 04 giờ/ 01 ngày/1 bị cáo và 05 ngày/01 tuần/1 bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, bị vỡ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.650.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu vật chứng ngày 01/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C)

Tịch thu, truy thu của bị cáo bị cáo Trần Quang T4 số tiền 9.825.000đ; Tịch thu, truy thu của bị cáo Đỗ Đức K số tiền 8.325.000đ; Tịch thu, truy thu của bị cáo Phạm Thế S số tiền 500.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

* Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang của cơ quan điều tra và vật chứng đã thu được phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “xóc đĩa”, được thua bằng tiền trong khoảng thời gian từ 14 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 23/12/2021 tại bãi đất trống trên đồi Q, thuộc khu Đ1, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C quản lý) với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 29.300.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) là do các bị can Trần Quang T4, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Nguyễn Văn T1, Đỗ Đức K, Trần Đức T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 gây ra.

Các bị cáo Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 là những người đánh bạc, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò là người thực hành trong vụ án đồng phạm này. Các bị cáo Trần Quang T4 và Đỗ Đức K là người cho các đối tượng trên vay tiền để đánh bạc. T4 và K không trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc nên là đồng phạm với vai trò người giúp sức trong vụ án này.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

[3] Xét tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bởi lẽ vấn nạn cờ bạc là một trong các tệ nạn xã hội mà nhà nước ta đang quản lý chặt chẽ, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới mọi hình thức để làm lành mạnh các quan hệ xã hội, từ việc đánh bạc thường dẫn đến những tội phạm khác, ảnh hưởng đến trật tự công cộng vì vậy đấu tranh với tội này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật.

[4]. Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

[4.1]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 có 01 tiền án tại Bản án số 03/2016/HSST ngày 03/02/2016, bị can bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong án phí và hình phạt vào ngày 28/04/2021. Bị cáo chưa được xóa án tích nhưng đến ngày 23/12/2021 bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới do đó bị cáo T1 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở T1 công dân tốt cho gia đình và xã hội. Trước khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[4.2]. Đối với bị cáo Đỗ Đức K, Trần Đức T có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về tội đánh bạc nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo T, bị cáo K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở T1 công dân tốt cho gia đình và xã hội. Trước khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến Công an huyện C đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T có bố đẻ là ông Trần Văn N1 được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo K có bố đẻ là ông Đỗ Quyết C2 là thương binh hạng A nên cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.3]. Đối với các bị cáo Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội các bị cáo đều T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Văn T3, Phạm Thế S sau khi phạm tội đã đến Công an huyện C đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Trần Quang T4 có bố đẻ là ông Trần Văn Đ được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Hoàng Văn H1 có ông nội là Hoàng Văn L được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì nên bị cáo T3, S, T4, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy có thể áp dụng một mức hình phạt không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, về tội bị cáo đã thực hiện, nhất thể cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện đồng lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế của các bị cáo: Xét thấy bị cáo Trần Quang T4, Hoàng Văn H1 có tài sản, là lao động có thu nhập; Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S không có tài sản nhưng là lao động có thu nhập nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Đức K, Trần Đức T, Nguyễn Văn T1.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, bị võ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ. Đây là vật mà các bị cáo sử dụng để làm công cụ phương tiện để đánh bạc nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 10.650.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đây là khoản tiền thu tại chỗ do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền các bị cáo cầm theo khi bỏ trốn cụ thể: Bị cáo T cầm theo số tiền 9.650.000đ, bị cáo T3 cầm theo số tiền 3.500.000đ, bị cáo S cầm theo số tiền 5.500.000đ. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo trình bày số tiền cầm khi bỏ trốn đã trả vào khoản tiền vay khi đánh bạc cho bị cáo K, bị cáo T4. Bị cáo Trần Quang T4 nhất trí nộp lại số tiền 9.825.000đ, bị cáo Đỗ Đức K nhất trí nộp lại số tiền 8.325.000đ, bị cáo Phạm Thế S nhất trí nộp lại số tiền 500.000đ. Vì vậy cần tịch thu số tiền này để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 phạm tội “Đánh bạc”.

1, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T108 (Tám) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đức T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Đức T.

3, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ Đức K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Đức K.

4, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Quang T421 (Hai mốt) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 20 (hai mươi) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Trần Quang T 413.000.000đ (Mười ba triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

5, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Hoàng Văn H 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

6, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn T312 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện C, Phú Thọ nhận được

quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung:Phạt bổ xung bị cáoHoàng Văn T310.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

7, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ T1 Đ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 14 (mười bốn)tháng 12 (mười hai) ngàycải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung:Phạt bổ xung bị cáoĐỗ T1 Đ10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

8, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Văn T215 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 14 (mười bốn)tháng 12 (mười hai) ngàycải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung:Phạt bổ xung bị cáoTrần Văn T2 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

9, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Thế S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung:Phạt bổ xung bị cáoPhạm Thế S 10.000.000đ(Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

10, Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Văn H1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 23/12/2021 đến ngày 29/12/2021) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 17 (mười bảy)tháng 12 (mười hai) ngàycải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã P, huyện C, Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao

bản án. Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện C, Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ xung bị cáo Hoàng Văn Hà 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Điều 99, 100, 101 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án các bị cáo Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 04 giờ/ 01 ngày/ 1 bị cáo và 05 ngày/01 tuần/1 bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ, bị vỡ T1 05 mảnh; 01 (một) mảnh bao tải xác rắn màu trắng; 04 (bốn) quân bài hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 05 (năm) mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc kéo nhựa màu đỏ.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.650.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu vật chứng ngày 01/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C)

Tịch thu, truy thu của bị cáo bị cáo Trần Quang T4 số tiền 9.825.000đ; Tịch thu, truy thu của bị cáo Đỗ Đức K số tiền 8.325.000đ; Tịch thu, truy thu của bị cáo Phạm Thế S số tiền 500.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

* Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Đức T, Đỗ Đức K, Trần Quang T4, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Đỗ T1 Đ, Trần Văn T2, Phạm Thế S và Hoàng Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điều 26 Luật thi hành án dân sự, các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự, nếu không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 7a, điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh phú thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THA- HS;
- Các bị cáo;
- UBND xã C, huyện C;
- UBND xã V, huyện C;
- UBND xã P, huyện C;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Huyền

